TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2019/DS-PT
Ngày 25 – 6 – 2019
V/v thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền
Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:140/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phan Bình T, sinh năm 1963.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông T: Anh Phan Quyết D2, sinh năm 1989 (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2018), (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Ông Vĩnh Q, là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vĩnh Q và đồng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phan Hòa N1, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N1: Ông Trần Chí Thiện, là Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công Hùng và Cộng sự tại Cà Mau, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà D1: Anh Phan Quyết D2 (Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2018).

2. Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N2: Ông Phan Hòa N1 (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019).

- *Người kháng cáo*: Ông Phan Bình T là nguyên đơn; ông Phan Hòa N1 là bị đơn; bà Huỳnh Thị N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Phan Bình T trình bày:*

Ngày 06/01/2016, ông có khởi kiện ông Phan Hòa N1 yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông N1 đối với phần đất diện tích 21.281,5m^2, tọa lạc tại ấp Đầu Sấu, xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ngày 25/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đưa vụ án ra xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông, ông không đồng ý với bản án sơ thẩm xét xử nên có đơn kháng cáo. Ngày 10/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm và tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nội dung bản án sơ thẩm, phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông N1. Theo hợp đồng thỏa thuận giá trị chuyển nhượng diện tích đất 21.281,5m^2 là 300.000.000 đồng, nhưng ông N1 và bà Huỳnh Thị N2 chưa thanh toán tiền cho ông và bà Nguyễn Thị D1. Do đó, ông yêu cầu ông N1 thanh toán cho ông toàn bộ giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 17/01/2013 theo giá thị trường tại thời điểm hiện nay bằng 1.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông N1 thanh toán cho ông theo giá thẩm định của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam số tiền 1.069.280.000 đồng.

- *Theo ông Phan Hòa N1 trình bày:*

Phần đất đang tranh chấp là của ông bà nội của ông cho cha ông là Phan Văn Bảo trước năm 1975. Do ông và cha ông đi nước ngoài nên phần đất trên giao cho ông T quản lý canh tác thay cho cha con ông và đứng tên hộ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1992 khi ông từ nước ngoài về định cư ở Việt Nam, ông có nhu cầu nhận lại đất để canh tác nên từ năm 1995, ông T giao lại toàn bộ phần đất trên cho ông. Năm 2008, thân tộc có biên bản họp xác định phần đất trên là của ông và ông T có trách nhiệm thực hiện việc xác lập lại thủ tục quyền sử dụng đất để trả lại cho ông đứng tên. Nhưng do quan hệ chú cháu nên ông không có thực hiện việc chuyển tên quyền sử dụng đất từ ông T sang cho ông. Đến năm 2013, ông T buộc ông phải trả cho ông T 300.000.000 đồng, ông T mới chấp nhận sang tên quyền sử dụng đất cho ông. Biết ông T có ý muốn lấy phần đất, đồng thời ông T đang đứng tên quyền sử dụng đất nên ông mới chấp nhận ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T và bà Nguyễn Thị D1 vào ngày

17/01/2013. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng ông đã giao cho ông T và bà D1 300.000.000 đồng, do quan hệ chú cháu nên không có làm giấy tờ, biên nhận. Ông N1 cho rằng do phần đất của cha ông nên năm 2008 có họp thân tộc và ông T đồng ý giao lại phần đất cho ông nên đến năm 2013 giữa ông và ông T đến Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất từ ông T sang ông nhưng cán bộ xã nói chú cho cháu vẫn phải nộp thuế nên giữa ông và ông T mới làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để tránh nộp thuế. Khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông đồng ý hỗ trợ cho ông T 300.000.000 đồng, sau khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông đã đưa tiền hỗ trợ cho ông T 300.000.000 đồng nhưng ông T không có làm biên nhận. Đối với số tiền theo hợp đồng ông chưa thanh toán cho ông T, vì thực chất giữa ông và ông T không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau, việc ký hợp đồng chuyển nhượng là để hợp thức hóa thủ tục chuyển tên từ ông T sang cho ông đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó, ông T yêu cầu ông trả số tiền 1.069.280.000 đồng ông không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Phan Hòa N1 trả số tiền 130.720.000 đồng của ông Phan Bình T.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phan Bình T. Buộc ông Phan Hòa N1 và bà Huỳnh Thị N2 trả cho ông Phan Bình T và bà Nguyễn Thị D1 số tiền 466.050.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Bình T về việc yêu cầu ông Phan Hòa N1 trả số tiền 603.230.000 đồng.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Phú Tân cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/4/2019 ông Phan Bình T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Phan Hòa N1 phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông theo định giá là 1.069.280.000 đồng.

Ngày 03/4/2019 ông Phan Hòa N1, bà Huỳnh Thị N2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, huỷ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01//2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2018 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 04/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân có Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm về phần "Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút một phần khởi kiện của ông Phan Bình T đối với số tiền 130.720.000 đồng và việc tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với ông Phan Hòa N1, bà Huỳnh Thị N2" theo hướng sửa một phần nội dung bản án,

chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T và không tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ đối với ông Phan Hòa N1 và bà Huỳnh Thị N2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh D2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Phan Bình T; ông Phan Hòa N1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông N1 và bà Huỳnh Thị N2; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T phát biểu tranh luận: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông N1 ngày 17/01/2013 là có thực tế. Theo hợp đồng, giá trị của phần đất chuyển nhượng bằng 300.000.000 đồng, nhưng phía ông N1 không thực hiện thanh toán, thời gian kéo dài gây thiệt hại cho ông T, nên ông N1 phải bồi thường thiệt hại cho ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông N1 bồi thường cho ông T giá trị phần đất chuyển nhượng theo định giá bằng 1.069.280.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N1 phát biểu tranh luận: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/01/2013 giữa ông T với ông N1 là hình thức để hợp thức hóa chuyển tên quyền sử dụng đất từ ông T sang ông N1 chứ thực chất không có chuyển nhượng, số tiền chuyển nhượng ghi trong hợp đồng 300.000.000 đồng thực chất là không có thanh toán. Án sơ thẩm buộc ông N1 và bà N2 trả cho ông T và bà D1 số tiền 466.050.000 đồng là không có căn cứ. Ông T yêu cầu ông N1 trả số tiền 1.069.280.000 đồng, không có yêu cầu tính lãi suất chậm trả, nhưng án sơ thẩm tính lãi suất chậm trả. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N1, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2018 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, sửa phần án phí sơ thẩm đối với ông N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, ông T khởi kiện yêu cầu ông N1 thanh toán giá trị phần đất chuyển nhượng bằng 1.200.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm ông T yêu cầu ông N1 thanh toán bằng 1.069.280.000 đồng theo kết quả thẩm định giá là thay đổi yêu cầu khởi kiện chứ không phải rút một phần yêu cầu khởi kiện; án sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là chưa đúng. Ông T chỉ yêu cầu ông N1 thanh toán số tiền 1.069.280.000 đồng, không có yêu cầu tính lãi suất chậm trả, nhưng án sơ thẩm tính lãi suất chậm trả đối với ông N1 là vượt quá phạm vi khởi kiện của ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Bình T,

ông Phan Hòa N1 và bà Huỳnh Thị N2; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân: Không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, không tính lãi suất đối với số tiền 300.000.000 đồng mà ông N1 phải trả cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Phan Bình T, ông Phan Hòa N1, bà Huỳnh Thị N2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T khởi kiện yêu cầu ông N1 thanh toán khoản tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hợp đồng ngày 17/01/2013 theo kết quả định giá bằng 1.069.280.000 đồng. Ông N1 cho rằng hợp đồng chuyển nhượng ngày 17/01/2013 chỉ là hình thức để hợp thức hóa việc chuyển tên quyền sử dụng đất từ ông T sang ông N1 chứ thực chất không có chuyển nhượng, số tiền ghi trong hợp đồng giá chuyển nhượng 300.000.000 đồng nhưng thực chất là không có thanh toán, nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông N1 ngày 17/01/2013, trước đây các bên đã có phát sinh tranh chấp, ông T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng, đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm tại bản án số 04/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 và Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm tại bản án số 92/2018/DS-PT ngày 10 tháng 5 năm 2018. Bản án sơ thẩm, phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T với ông N1, mà chỉ xem xét tranh chấp về việc thanh toán đối với số tiền của hợp đồng chuyển nhượng ngày 17/01/2013 giữa ông T với ông N1.

Theo hợp đồng chuyển nhượng xác lập giữa ông T với ông N1 ngày 17/01/2013 thể hiện giá trị của diện tích đất 21.281,5m^2 số tiền là 300.000.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm ông N1 thừa nhận chưa thanh toán số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cho ông T. Đồng thời tại biên bản hoà giải của ấp Đầu Sấu, xã Tân Hải ngày 08/4/2014 ông N1 xin trả cho ông T số tiền 150.000.000 đồng, còn nếu trả số tiền 300.000.000 đồng thì ông không có khả năng trả. Từ khi hoà giải của ấp Đầu Sấu đến nay ông N1 cũng chưa thanh toán khoản tiền chuyển nhượng đất nêu trên cho ông T. Do đó, án sơ thẩm buộc ông N1 và bà N2 trả cho ông T và bà D1 số tiền của hợp đồng chuyển nhượng 300.000.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005 thời gian từ ngày xác lập hợp đồng chuyển nhượng đến ngày xét xử sơ thẩm 21/3/2019 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định (9%/năm) bằng 166.050.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi bằng 466.050.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của ông T buộc ông N1 thanh toán số tiền theo kết quả thẩm định giá bằng 1.069.280.000 đồng là không phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T là phù hợp.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2018 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2018/QĐ-BPBĐ ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân Phú Tân, do ông N1, bà N2 còn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, bà D1 nên được tiếp tục duy trì cho đến khi ông N1, bà N2 thanh toán xong khoản tiền phải thi hành cho ông T, bà D1. Giao cho Toà án nhân dân huyện Phú Tân xử lý các Quyết định này theo quy định pháp luật khi ông N1, bà N2 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho ông T, bà D1.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Ông T khởi kiện yêu cầu ông N1 thanh toán cho ông số tiền bằng 1.200.000.000 đồng; tại phiên toà sơ thẩm ông T yêu cầu ông N1 thanh toán số tiền theo kết quả định giá của diện tích đất chuyển nhượng bằng 1.069.280.000 đồng. Trong trường hợp này ông T chỉ thay đổi yêu cầu khởi kiện, nhưng án sơ thẩm xác định ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông N1 trả số tiền 130.720.000 đồng của ông T là chưa đúng.

Về phần tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Xét yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông N1 thanh toán số tiền bằng 1.069.280.000 đồng là lớn hơn so với yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của số tiền chuyển nhượng 300.000.000 đồng; án sơ thẩm tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của số tiền chuyển nhượng 300.000.000 đồng để buộc ông N1, bà N2 thanh toán cho ông T, bà D1 là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông N1 đã được xét xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Trong vụ án này, ông T khởi kiện yêu cầu ông N1 trả khoản tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 17/01/2013, án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là chưa đúng, nên cần điều chỉnh lại quan hệ pháp luật là tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho đúng quy định pháp luật.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Bình T, ông Phan Hòa N1 và bà Huỳnh Thị N2; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, sửa một phần bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-PT ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân là có căn cứ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm ông T, ông N1, bà N2 phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Bình T, ông Phan Hòa N1 và bà Huỳnh Thị N2; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phan Bình T. Buộc ông Phan Hòa N1 và bà Huỳnh Thị N2 trả cho ông Phan Bình T và bà Nguyễn Thị D1 số tiền 466.050.000 đồng.

Kể từ ngày ông T, bà D1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông N1, bà N2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Bình T về việc yêu cầu ông Phan Hòa N1 trả số tiền 603.230.000 đồng.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/8/2018 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2018/QĐ-BPBĐ ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân Phú Tân cho đến khi ông Phan Hòa N1, bà Huỳnh Thị N2 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông Phan Bình T, bà Nguyễn Thị D1. Giao cho Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xử lý các Quyết định này theo quy định pháp luật khi ông N1, bà N2 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông T và bà D1.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Hòa N1 và bà Huỳnh Thị N2 phải chịu 22.642.000 đồng.

Ông Phan Bình T phải chịu 28.129.200 đồng; ngày 13/6/2018 ông T đã dự nộp 24.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007118 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, đối trừ ông T còn phải nộp tiếp 4.129.200 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Bình T phải chịu 300.000 đồng; ngày 05/4/2019 ông T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019104 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được đối trừ chuyển thu án phí.

Ông Phan Hòa N1 và bà Huỳnh Thị N2 phải chịu 300.000 đồng; ngày 03/4/2019 ông N1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019093 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;*
- *Chi cục THADS huyện Phú Tân;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập